

# CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

## CTCP Đông Hải Bến Tre

Ngày 15/01/2024	<b>41,500 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	<b>15.3%</b>	<b>1.3%</b>	<b>1.4%</b>

**DT thuần**  
Q4/23

**816**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.0 | 2.8%  
YoY: ▼130 | -13.8%

**LN thuần**  
Q4/23

**86.5**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 24.2 | 38.9%  
YoY: ▼6.10 | -6.5%

**LN sau thuế**  
Q4/23

**75.0**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.1 | 34.2%  
YoY: ▼7.20 | -8.7%

**Tỷ lệ lãi EBIT**  
2023

**12.0%**

YoY: +/-▲ 0.4%

**ROE**  
2023

**17.2%**

YoY: +/-▼ 4.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	32,783 - 47,064
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,340
Số lượng CPLH (CP)	80,493,048
KLGD BQ 20 phiên (CP)	277,625
Sở hữu nước ngoài	35.8%
Beta	0.85
EPS	3,840
P/E	9.9

**DT thuần**  
2023

**3,259**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼676 | -17.2%

**LN thuần**  
2023

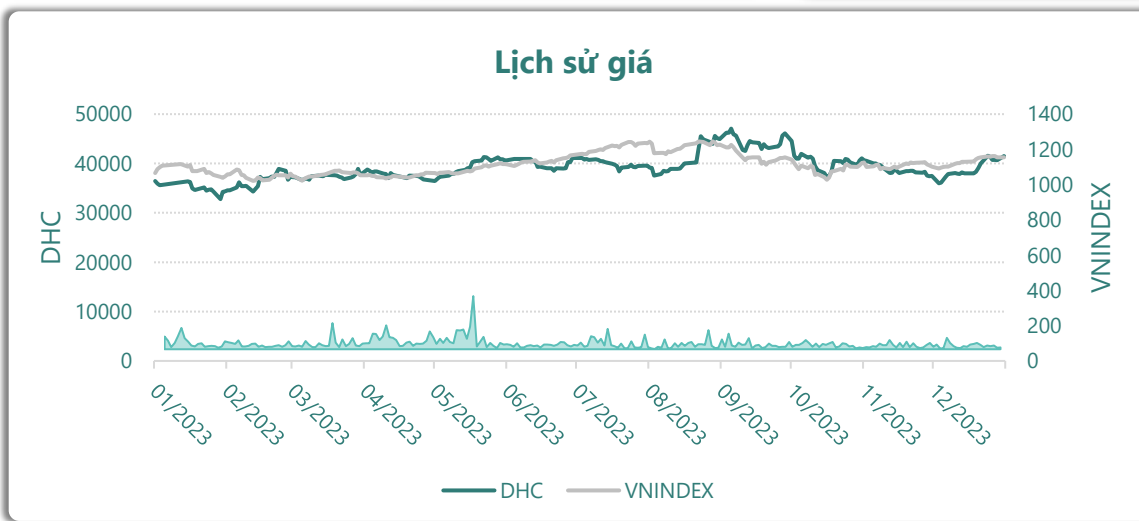
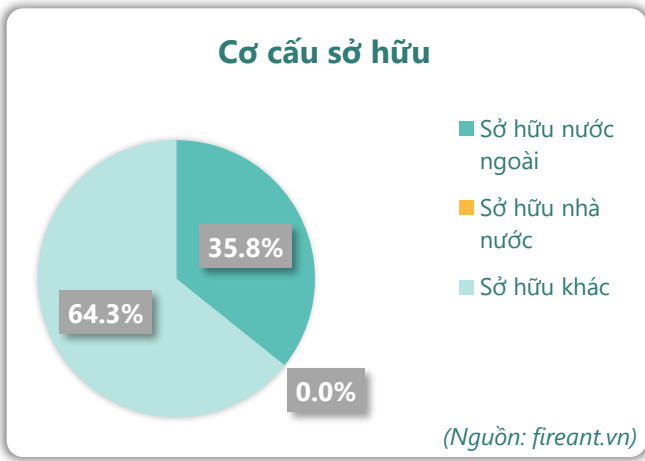
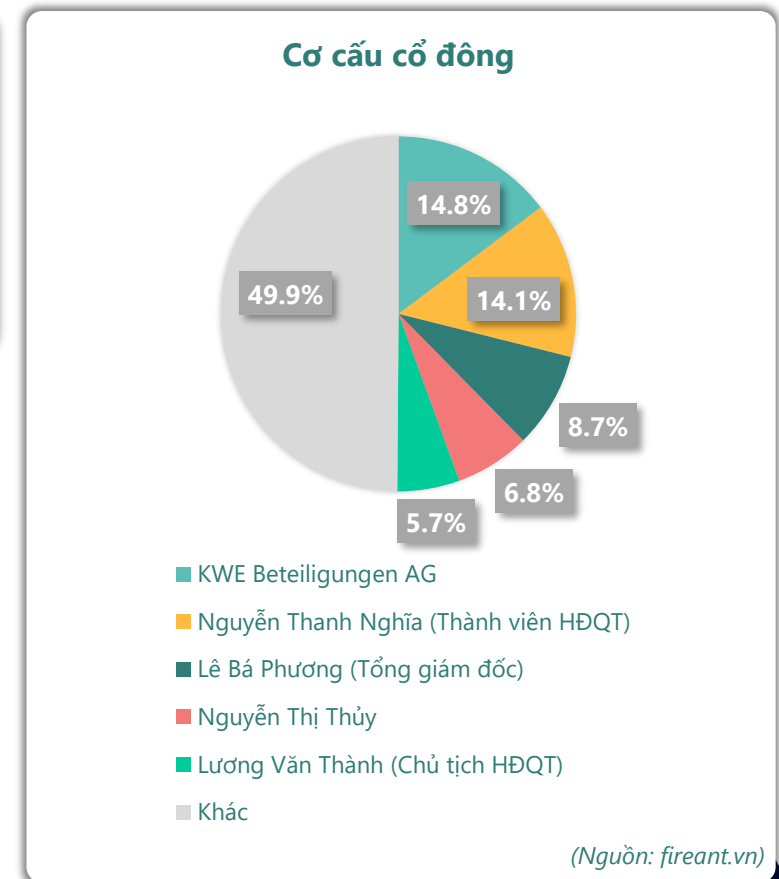
**350**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼82.0 | -19.0%

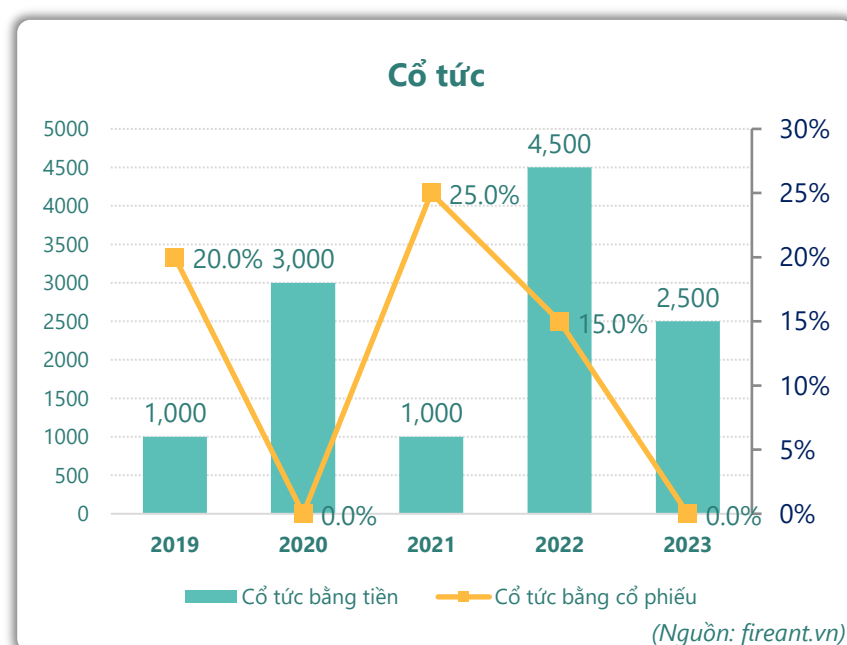
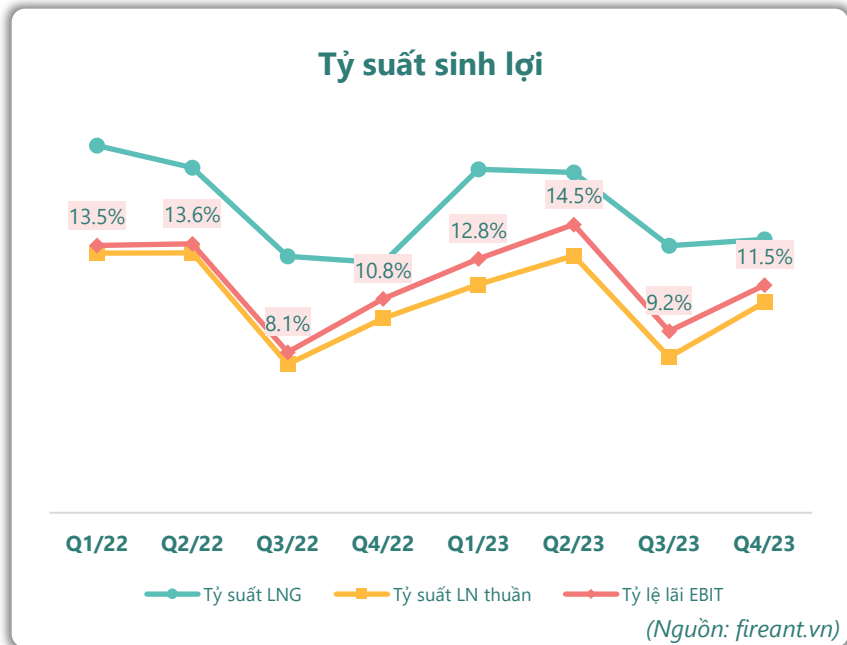
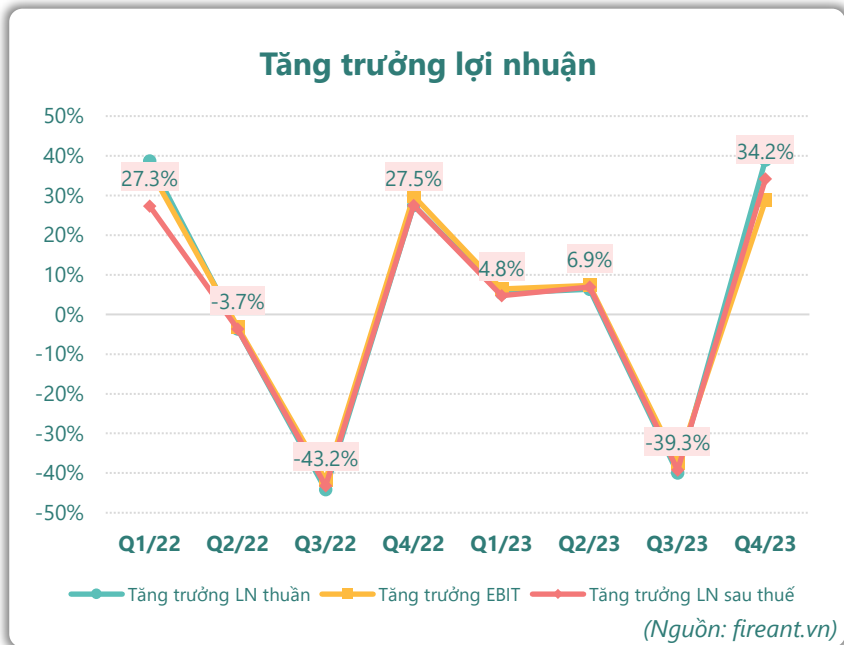
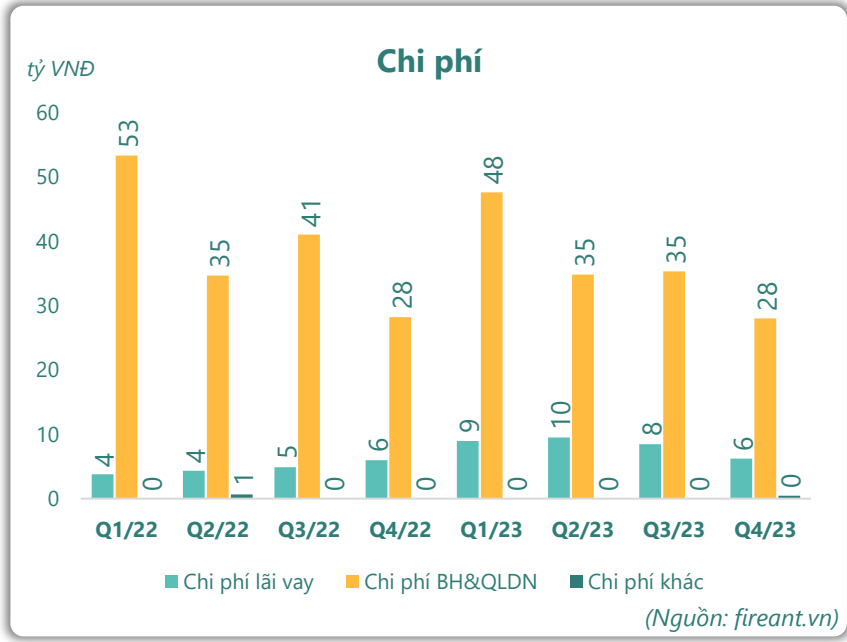
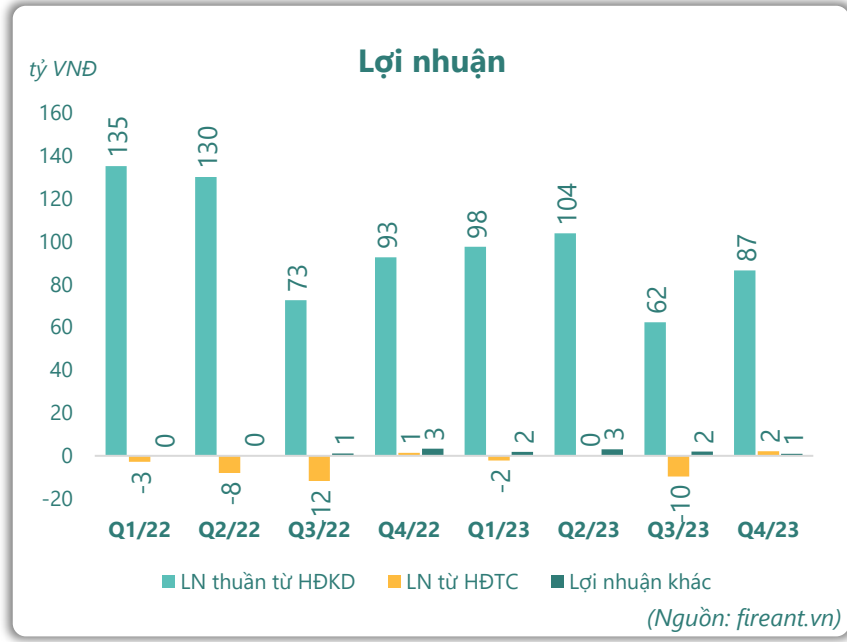
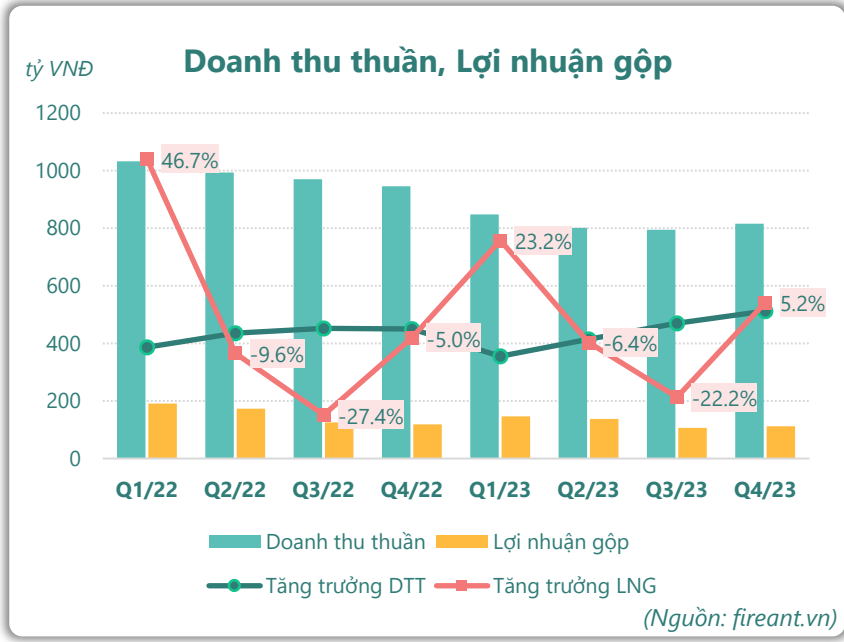
**LN sau thuế**  
2023

**309**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼70.0 | -18.5%



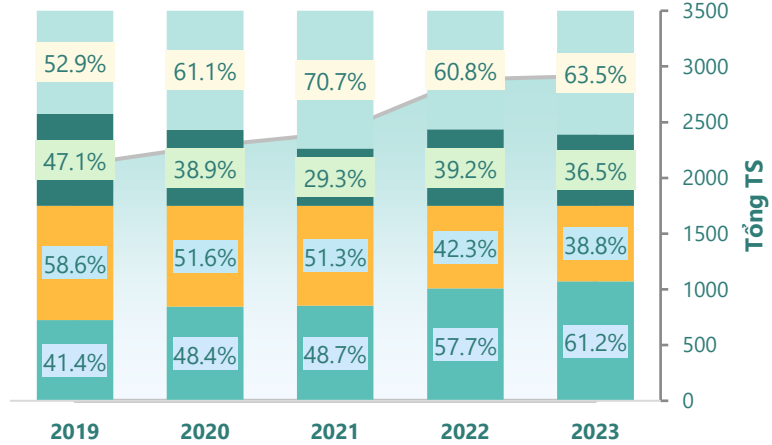
# KẾT QUẢ KINH DOANH



# TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

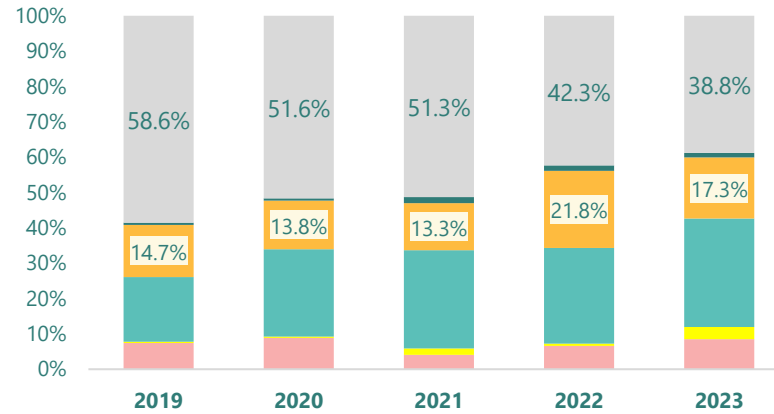
### Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

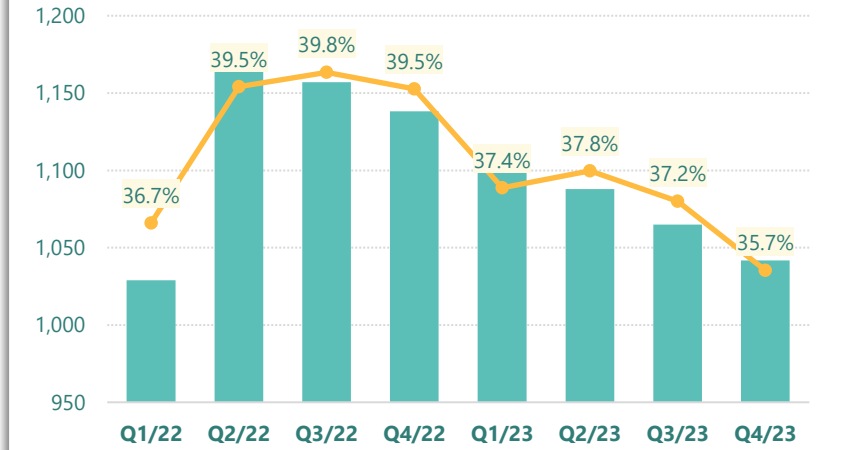
### Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản cố định

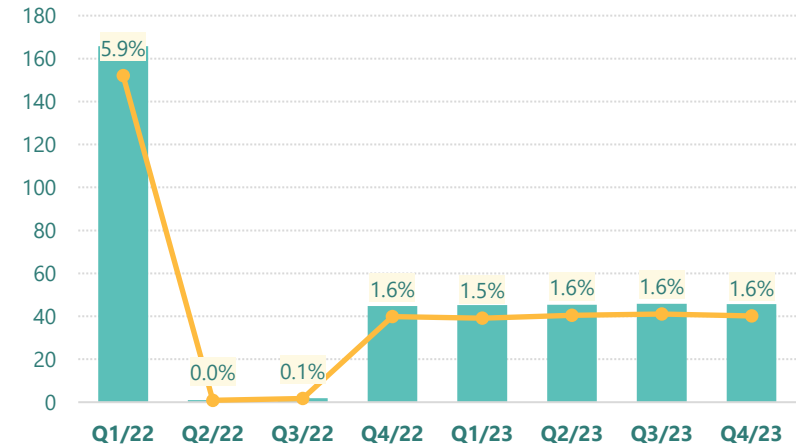
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Tài sản dở dang

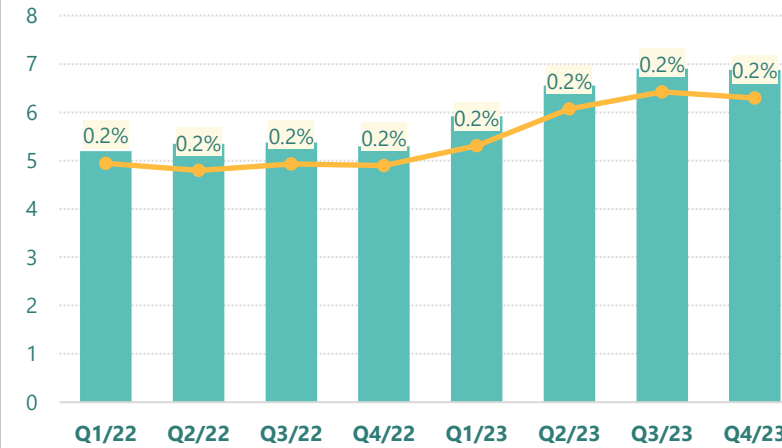
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

### Đầu tư tài chính dài hạn

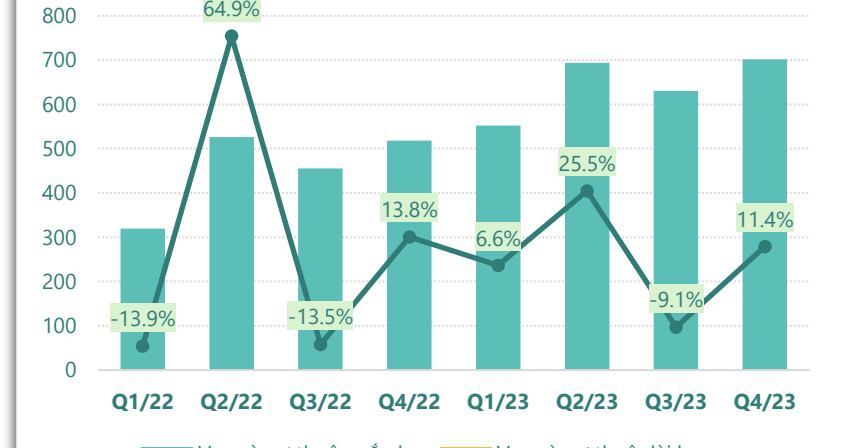
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

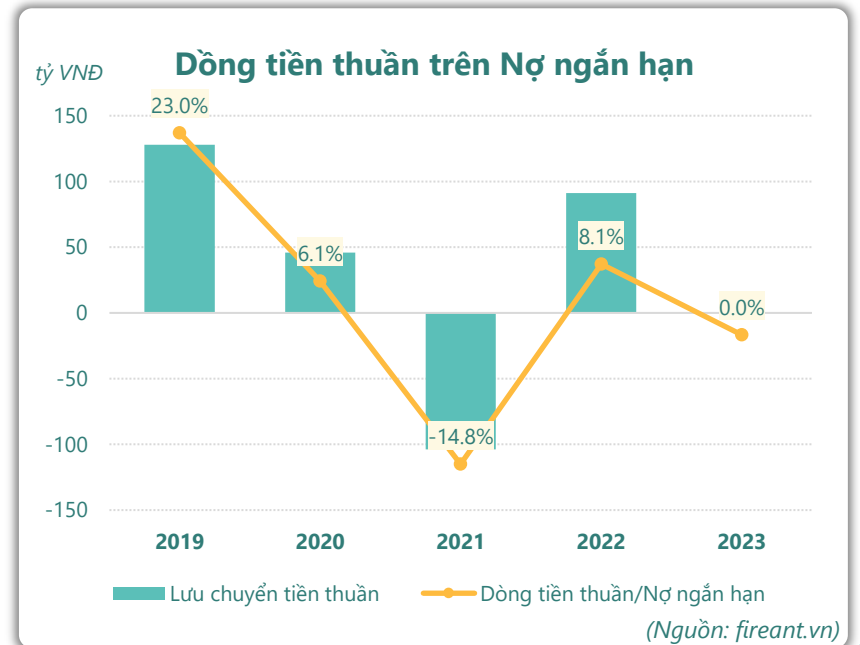
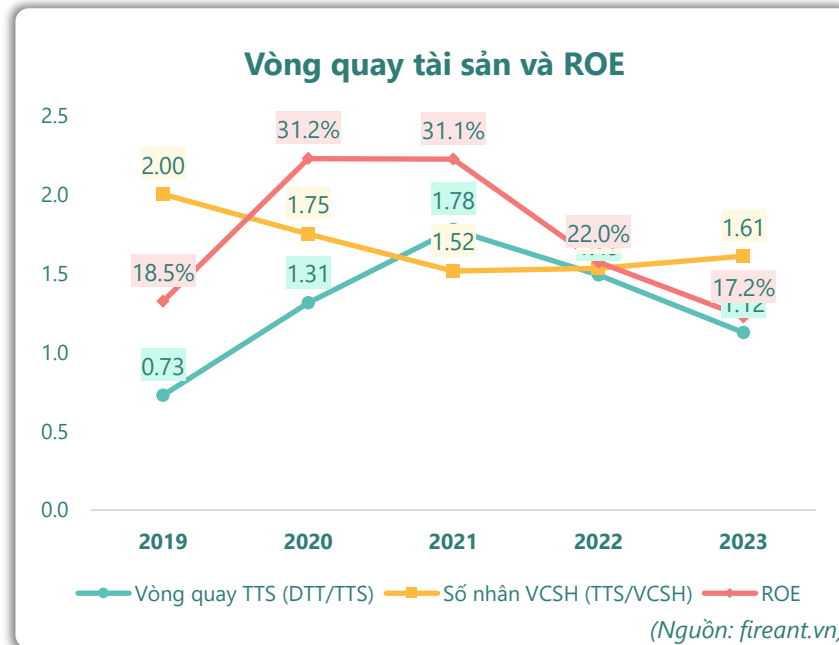
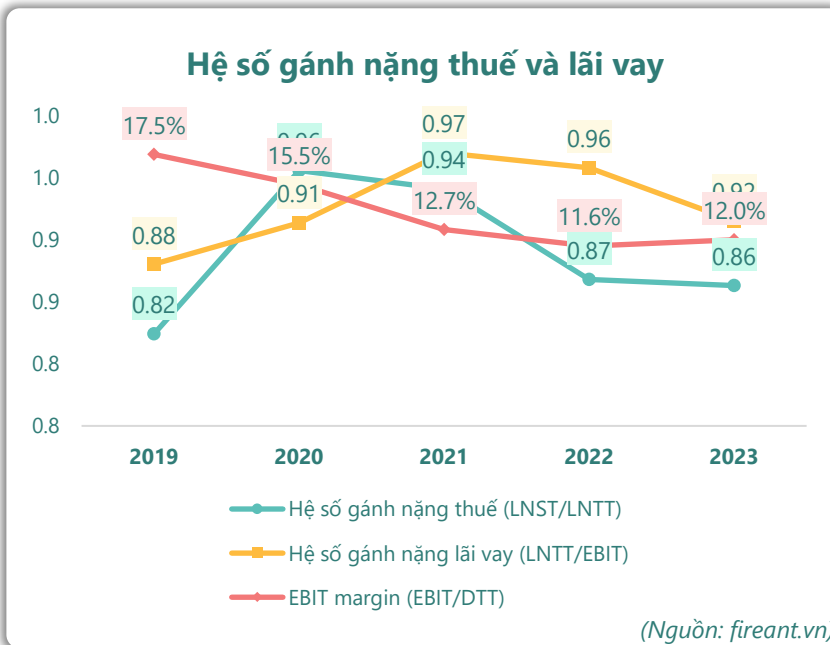
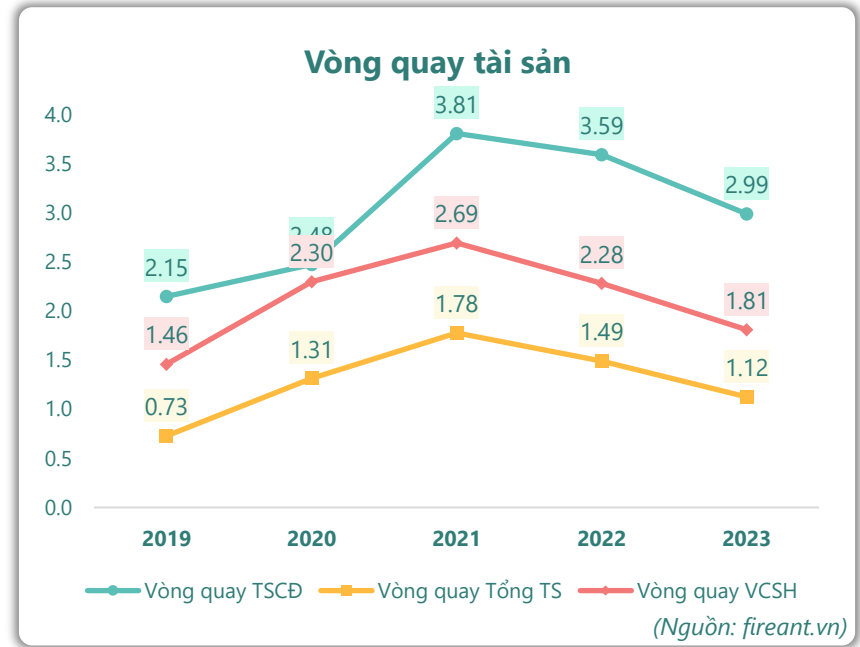
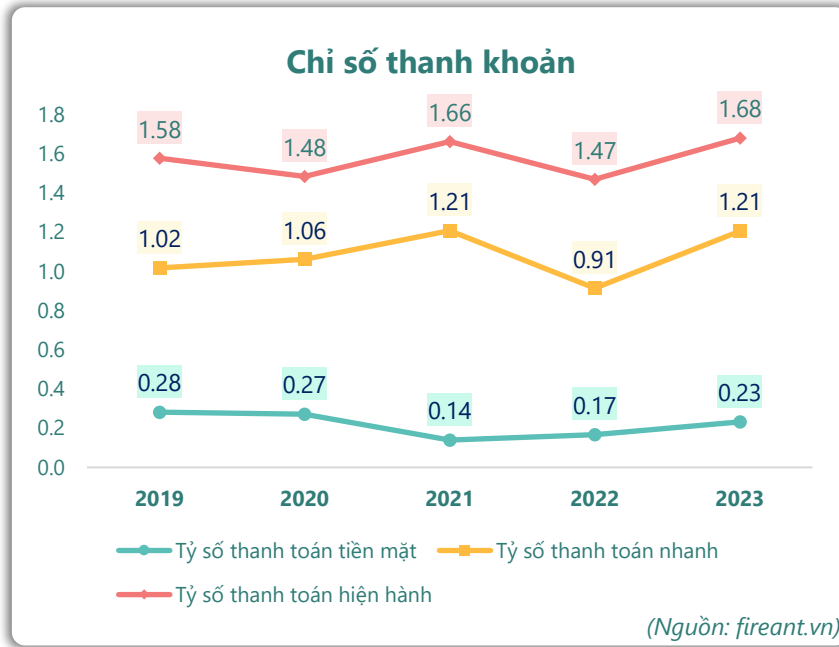
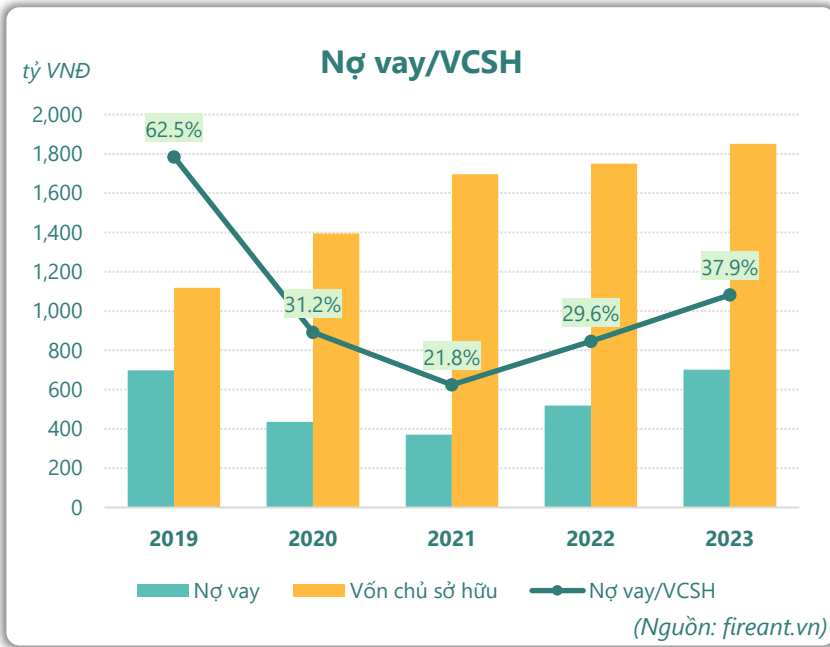
### Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

# HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>816</b>	<b>946</b>	<b>-13.8%</b>	<b>3,259</b>	<b>3,935</b>	<b>-17.2%</b>
Giá vốn hàng bán	703	827	-14.9%	2,755	3,324	-17.1%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>112</b>	<b>119</b>	<b>-5.5%</b>	<b>504</b>	<b>611</b>	<b>-17.6%</b>
Doanh thu HĐTC	8.51	12.8	-33.5%	28.8	20.6	39.6%
Chi phí TC	6.37	11.5	-44.6%	38.1	42.0	-9.3%
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>6.24</b>	<b>5.98</b>	<b>4.3%</b>	<b>33.2</b>	<b>19.1</b>	<b>73.7%</b>
LN trong công ty LKLD	<b>-0.02</b>	<b>0.33</b>	<b>-107%</b>	<b>1.89</b>	<b>0.33</b>	<b>475%</b>
Chi phí bán hàng	28.3	32.7	-13.3%	108	119	-9.5%
Chi phí QLDN	<b>-0.31</b>	<b>-4.42</b>	<b>92.9%</b>	<b>37.8</b>	<b>38.0</b>	<b>-0.6%</b>
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>86.5</b>	<b>92.6</b>	<b>-6.5%</b>	<b>350</b>	<b>432</b>	<b>-19.0%</b>
Lợi nhuận khác	<b>0.91</b>	<b>3.33</b>	<b>-72.8%</b>	<b>7.86</b>	<b>4.81</b>	<b>63.4%</b>
<b>LN trước thuế</b>	<b>87.5</b>	<b>96.0</b>	<b>-8.9%</b>	<b>358</b>	<b>437</b>	<b>-18.1%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>75.0</b>	<b>82.2</b>	<b>-8.7%</b>	<b>309</b>	<b>379</b>	<b>-18.5%</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>75.0</b>	<b>82.2</b>	<b>-8.7%</b>	<b>309</b>	<b>379</b>	<b>-18.5%</b>

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	231	141	-29.4	10.4	189	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	<b>-5.04</b>	<b>-96.2</b>	<b>-19.4</b>	<b>-82.3</b>	<b>-37.0</b>	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	<b>-144</b>	<b>-74.9</b>	34.0	63.1	<b>-106</b>	0
Tiền đầu kỳ	137	219	189	174	166	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>81.6</b>	<b>-29.6</b>	<b>-14.8</b>	<b>-8.73</b>	<b>46.0</b>	<b>0</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0.29	-0.43	-0.09	0.09	-0.01	0
Tiền cuối kỳ	219	189	174	166	212	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>2,915</b>	<b>2,882</b>	<b>1.1%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1,785</b>	<b>1,663</b>	<b>7.4%</b>
Tiền và tương đương tiền	247	189	30.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	101	19.1	430%
Phải thu ngắn hạn	894	782	14.4%
Hàng tồn kho	504	629	-19.8%
Tài sản ngắn hạn khác	38.7	44.0	-12.0%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>1,130</b>	<b>1,220</b>	<b>-7.4%</b>
Phải thu dài hạn	4.74	7.28	-34.9%
Tài sản cố định	1,042	1,138	-8.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	45.6	44.8	1.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.88	5.30	29.9%
Tài sản dài hạn khác	<b>31.1</b>	<b>24.2</b>	<b>28.6%</b>
Lợi thế thương mại	0	0	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>1,064</b>	<b>1,131</b>	<b>-6.0%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>1,063</b>	<b>1,131</b>	<b>-6.0%</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	702	518	35.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	303	533	-43.1%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0.97</b>	<b>0</b>	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,852</b>	<b>1,751</b>	<b>5.7%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,852</b>	<b>1,751</b>	<b>5.7%</b>
Vốn điều lệ	805	700	15.0%
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

(Nguồn: fireant.vn)